|  |  |
| --- | --- |
| BỘ Y TẾ  **BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN**  **THÍ ĐIỂM BÁC SỸ TRẺ TÌNH NGUYỆN VỀ VÙNG KHÓ KHĂN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  *……………………, ngày tháng năm 202….* |

**MẪU TỰ ĐÁNH GIÁ ĐỐI VỚI BÁC SỸ TRẺ TÌNH NGUYỆN**

**Mẫu ĐG-02**

**CHUYÊN NGÀNH SẢN PHỤ KHOA THUỘC DỰ ÁN 585**

**I. Thông tin chung bác sỹ tham gia Dự án 585**

Họ và tên :……..……………………………………………………………….

Ngày sinh:………………………………………………………………………

Chuyên ngành:………………………………………………………………….

Tốt nghiệp bác sỹ chuyên khoa I năm:……………………………………………

Đơn vị công tác:

- Trước khi tham gia Dự án 585: (Khoa/phòng/ thuộc BV/TTYT……………..

…………………………………………………………………………………..

- Sau khi tốt nghiệp bác sỹ chuyên khoa cấp I Dự án 585: (Khoa/phòng/ thuộc BV/TTYT………………………………………………………………………..

Tỉnh: ………………………………(trước 01/7/2025 là tỉnh……………………)

Thời gian bắt đầu công tác tại đơn vị: …………………………………………….

**II. Các nội dung đánh giá**

**1. Mô tả hoạt động thường ngày (**Công việc chính ở khoa làm gì? Phối hợp với ai? Thời gian làm việc?Hỗ trợ đồng nghiệp?.....)

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

**2. Đánh giá chung**

- Thời gian làm việc trung bình: ……/ngày

- Số buổi trực:…… buổi/tuần

- Số bệnh nhân được bác sỹ trẻ khám/ thực hiện thủ thuật hàng ngày: …….bệnh nhân

**3. Các nội dung bác sỹ trẻ tự đánh giá**: (đến thời điểm hiện tại)

**3.1. Về chuyên môn:** làm được………. kỹ thuật, trong đó:

- Chuyển giao cho đơn vị: …. kỹ thuật (được tính bằng tổng số kỹ thuật được thực hiện tại mục 3.1.1 bên dưới)

- Thực hiện tại đơn vị: …… kỹ thuật (được tính bằng tổng số kỹ thuật được thực hiện tại mục 3.1.1 và mục 3.1.2 bên dưới)

- Theo chương trình đào tạo Dự án 585: …… kỹ thuật (được tính bằng tổng số kỹ thuật được thực hiện tại mục 3.1.3 bên dưới)

**Chi tiết các kỹ thuật:**

**3.1.1. Các kỹ thuật Bác sỹ chuyển giao cho đơn vị sau khi tốt nghiệp BSCK cấp I**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **DANH MỤC KỸ THUẬT** | **Tần suất** |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |

**3.1.2 . Các kỹ thuật bác sỹ thực hiện được tại Đơn vị**

| **TT** | **DANH MỤC KỸ THUẬT** | **Tần suất**  **(số ca/ngày**  **/tuần/tháng** | **Trong đó** | | **Mức độ tự tin**  **(+/-)** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Số ca tự làm** | **Số ca phối hợp** |
|  | **A. SẢN KHOA** |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật lấy thai và cắt tử cung trong rau cài răng lược |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật lấy thai lần đầu |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật lấy thai có kèm các kỹ thuật cầm máu (thắt động mạch tử cung, mũi khâu B- lynch…) |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật thắt động mạch tử cung trong cấp cứu sản phụ khoa |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật bảo tồn tử cung do vỡ tử cung |  |  |  |  |
|  | Khâu tử cung do nạo thủng |  |  |  |  |
|  | Nghiệm pháp lọt ngôi chỏm |  |  |  |  |
|  | Đẻ chỉ huy bằng truyền oxytocin tĩnh mạch |  |  |  |  |
|  | Theo dõi nhịp tim thai và cơn co tử cung bằng monitor sản khoa |  |  |  |  |
|  | Đỡ đẻ ngôi ngược (\*) |  |  |  |  |
|  | Nội xoay thai |  |  |  |  |
|  | Đỡ đẻ từ sinh đôi trở lên |  |  |  |  |
|  | Forceps |  |  |  |  |
|  | Giác hút |  |  |  |  |
|  | Soi ối |  |  |  |  |
|  | Khâu phục hồi rách cổ tử cung, âm đạo |  |  |  |  |
|  | Thủ thuật cặp, kéo cổ tử cung xử trí băng huyết sau đẻ, sau sảy, sau nạo (\*) |  |  |  |  |
|  | Lấy khối máu tụ âm đạo, tầng sinh môn |  |  |  |  |
|  | Đỡ đẻ thường ngôi chỏm |  |  |  |  |
|  | Cắt và khâu tầng sinh môn |  |  |  |  |
|  | Xử trí tích cực giai đoạn 3 cuộc chuyển dạ đẻ |  |  |  |  |
|  | Nghiệm pháp bong rau, đỡ rau, kiểm tra bánh rau |  |  |  |  |
|  | Kiểm soát tử cung |  |  |  |  |
|  | Bóc rau nhân tạo |  |  |  |  |
|  | Kỹ thuật bấm ối |  |  |  |  |
|  | Làm thuốc vết khâu tầng sinh môn nhiễm khuẩn |  |  |  |  |
|  | Khám thai |  |  |  |  |
|  | Nong cổ tử cung do bế sản dịch |  |  |  |  |
|  | Nạo sót thai, nạo sót rau sau sẩy, sau đẻ |  |  |  |  |
|  | Điều trị tắc tia sữa bằng máy hút |  |  |  |  |
|  | Điều trị tắc tia sữa bằng sóng ngắn, hồng ngoại |  |  |  |  |
|  | Khâu vòng cổ tử cung |  |  |  |  |
|  | Cắt chỉ khâu vòng cổ tử cung |  |  |  |  |
|  | Chích áp xe tầng sinh môn |  |  |  |  |
|  | **B. PHỤ KHOA** |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung bán phần |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật mở bụng bóc u xơ tử cung |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt phần phụ |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật nội soi cắt u nang buồng trứng xoắn |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật nội soi cắt u nang buồng trứng, nang cạnh vòi tử cung |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật nội soi cắt u nang buồng trứng kèm triệt sản |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật nội soi cắt u buồng trứng và phần phụ |  |  |  |  |
|  | Chọc nang buồng trứng đường âm đạo dưới siêu âm |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật nội soi cắt góc tử cung |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật mở bụng cắt góc tử cung |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật nội soi thai ngoài tử cung chưa vỡ |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật chửa ngoài tử cung vỡ có choáng |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật chửa ngoài tử cung không có choáng |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật chửa ngoài tử cung thể huyết tụ thành nang |  |  |  |  |
|  | Làm lại vết mổ thành bụng (bục, tụ máu, nhiễm khuẩn...) sau phẫu thuật sản phụ khoa |  |  |  |  |
|  | Chọc hút dịch màng bụng, màng phổi do quá kích buồng trứng |  |  |  |  |
|  | Tiêm hoá chất tại chỗ điều trị chửa ở cổ tử cung |  |  |  |  |
|  | Tiêm nhân Chorio |  |  |  |  |
|  | Khoét chóp cổ tử cung |  |  |  |  |
|  | Cắt cụt cổ tử cung |  |  |  |  |
|  | Thủ thuật LEEP (cắt cổ tử cung bằng vòng nhiệt điện) |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật cắt polip cổ tử cung |  |  |  |  |
|  | Thủ thuật xoắn polip cổ tử cung, âm đạo |  |  |  |  |
|  | Điều trị tổn thương cổ tử cung bằng đốt điện, đốt nhiệt, đốt laser, áp lạnh... |  |  |  |  |
|  | Điều trị viêm dính tiểu khung bằng hồng ngoại, sóng ngắn |  |  |  |  |
|  | Cắt u thành âm đạo |  |  |  |  |
|  | Lấy dị vật âm đạo |  |  |  |  |
|  | Khâu rách cùng đồ âm đạo |  |  |  |  |
|  | Làm lại thành âm đạo, tầng sinh môn |  |  |  |  |
|  | Chích áp xe tuyến Bartholin |  |  |  |  |
|  | Bóc nang tuyến Bartholin |  |  |  |  |
|  | Trích rạch màng trinh do ứ máu kinh |  |  |  |  |
|  | Sinh thiết cổ tử cung, âm hộ, âm đạo |  |  |  |  |
|  | Cắt, đốt sùi mào gà âm hộ; âm đạo; tầng sinh môn |  |  |  |  |
|  | Nong buồng tử cung đặt dụng cụ chống dính |  |  |  |  |
|  | Hút buồng tử cung do rong kinh, rong huyết |  |  |  |  |
|  | Nạo hút thai trứng |  |  |  |  |
|  | Dẫn lưu cùng đồ Douglas |  |  |  |  |
|  | Chọc dò túi cùng Douglas |  |  |  |  |
|  | Chọc hút dịch do máu tụ sau mổ |  |  |  |  |
|  | Chọc dẫn lưu dịch cổ chướng trong ung thư buồng trứng |  |  |  |  |
|  | Chích áp xe vú |  |  |  |  |
|  | Khám nam khoa |  |  |  |  |
|  | Khám phụ khoa |  |  |  |  |
|  | Soi cổ tử cung |  |  |  |  |
|  | Làm thuốc âm đạo |  |  |  |  |
|  | Cắt u vú lành tính |  |  |  |  |
|  | Bóc nhân xơ vú |  |  |  |  |
|  | Cắt âm hộ + vét hạch bẹn hai bên |  |  |  |  |
|  | Cắt bỏ âm hộ đơn thuần |  |  |  |  |
|  | **C. SƠ SINH** |  |  |  |  |
|  | Đặt ống thông tĩnh mạch rốn sơ sinh |  |  |  |  |
|  | Đặt nội khí quản cấp cứu sơ sinh + thở máy |  |  |  |  |
|  | Hô hấp áp lực dương liên tục (CPAP) không xâm nhập ở trẻ sơ sinh (thở CPAP qua mũi) |  |  |  |  |
|  | Chọc dò tủy sống sơ sinh |  |  |  |  |
|  | Điều trị vàng da ở trẻ sơ sinh bằng phương pháp chiếu đèn |  |  |  |  |
|  | Truyền máu sơ sinh |  |  |  |  |
|  | Chọc hút dịch, khí màng phổi sơ sinh |  |  |  |  |
|  | Đặt ống thông dạ dày (hút dịch hoặc nuôi dưỡng) sơ sinh |  |  |  |  |
|  | Rửa dạ dày sơ sinh |  |  |  |  |
|  | Ep tim ngoài lồng ngực |  |  |  |  |
|  | Dẫn lưu màng phổi sơ sinh |  |  |  |  |
|  | Khám sơ sinh |  |  |  |  |
|  | Chăm sóc rốn sơ sinh |  |  |  |  |
|  | Tắm sơ sinh |  |  |  |  |
|  | Đặt sonde hậu môn sơ sinh |  |  |  |  |
|  | Bóp bóng Ambu, thổi ngạt sơ sinh |  |  |  |  |
|  | Hồi sức sơ sinh ngạt sau sinh |  |  |  |  |
|  | Cố định tạm thời gãy xương sơ sinh |  |  |  |  |
|  | **D. HỖ TRỢ SINH SẢN** |  |  |  |  |
|  | Lọc rửa tinh trùng |  |  |  |  |
|  | Bơm tinh trùng vào buồng tử cung (IUI) |  |  |  |  |
|  | **Đ. KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH** |  |  |  |  |
|  | Lấy dụng cụ tử cung trong ổ bụng qua đường rạch nhỏ |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật nội soi triệt sản nữ |  |  |  |  |
|  | Triệt sản nữ qua đường rạch nhỏ |  |  |  |  |
|  | Cấy - tháo thuốc tránh thai (loại nhiều nang) |  |  |  |  |
|  | Cấy - tháo thuốc tránh thai (loại một nang) |  |  |  |  |
|  | Triệt sản nam (bằng dao hoặc không bằng dao) |  |  |  |  |
|  | Đặt và tháo dụng cụ tử cung |  |  |  |  |
|  | **E. PHÁ THAI** |  |  |  |  |
|  | Phá thai từ tuần thứ 6 đến hết 12 tuần bằng phương pháp hút chân không |  |  |  |  |
|  | Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai đến hết 7 tuần |  |  |  |  |
|  | Hút thai + Triệt sản qua đường rạch nhỏ |  |  |  |  |
|  | Phá thai đến hết 7 tuần bằng phương pháp hút chân không |  |  |  |  |
|  | **G. Các kỹ thuật khác** |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |

**3.1.3. Các kỹ thuật bác sỹ trẻ đã thực hiện theo chương trình đào tạo dự án 585**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | **DANH MỤC KỸ THUẬT** | **Tần suất**  **(số ca/ngày/**  **tuần/tháng** | **Ghi chú** | | **Mức độ tự tin**  **(+/-)** |
| **Số ca tự làm** | **Số ca phối hợp** |
|  | Khám và phát hiện thai nghén có nguy cơ cao |  |  |  |  |
|  | Theo dõi đẻ khó |  |  |  |  |
|  | Bấm ối |  |  |  |  |
|  | Nghiệm pháp lọt ngôi chỏm |  |  |  |  |
|  | Theo dõi đẻ chỉ huy |  |  |  |  |
|  | Đỡ đẻ thường ngôi chỏm |  |  |  |  |
|  | Đỡ đẻ ngôi ngược |  |  |  |  |
|  | Đỡ đẻ từ sinh đôi trở lên |  |  |  |  |
|  | Làm và phụ Forceps |  |  |  |  |
|  | Kiểm soát tử cung |  |  |  |  |
|  | Bóc rau nhân tạo |  |  |  |  |
|  | Xử trí tích cực giai đoạn 3 cuộc chuyển dạ đẻ |  |  |  |  |
|  | Mổ lấy thai |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật thắt động mạch tử cung trong cấp cứu sản phụ khoa |  |  |  |  |
|  | Theo dõi nhịp tim thai và cơn co tử cung bằng monitor sản khoa |  |  |  |  |
|  | Nạo sót thai, nạo sót rau sau sẩy, sau đẻ |  |  |  |  |
|  | Tham gia hồi sức mẹ và thai |  |  |  |  |
|  | Đặt ống thông tĩnh mạch rốn sơ sinh |  |  |  |  |
|  | Đặt nội khí quản cấp cứu sơ sinh + thở máy |  |  |  |  |
|  | Hô hấp áp lực dương liên tục (CPAP) không xâm nhập ở trẻ sơ sinh (thở CPAP qua mũi) |  |  |  |  |
|  | Điều trị vàng da ở trẻ sơ sinh bằng phương pháp chiếu đèn |  |  |  |  |
|  | Đặt ống thông dạ dày (hút dịch hoặc nuôi dưỡng) sơ sinh |  |  |  |  |
|  | Ép tim ngoài lồng ngực |  |  |  |  |
|  | Hồi sức sơ sinh ngạt sau sinh |  |  |  |  |
|  | Nạo thai trứng |  |  |  |  |
|  | Khâu rách cùng đồ âm đạo |  |  |  |  |
|  | Làm lại thành âm đạo, tầng sinh môn |  |  |  |  |
|  | Nong buồng tử cung đặt dụng cụ chống dính |  |  |  |  |
|  | Hút buồng tử cung do rong kinh, rong huyết |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung bán phần |  |  |  |  |
|  | Điều trị tổn thương cổ tử cung bằng đốt điện, đốt nhiệt, đốt laser, áp lI... |  |  |  |  |
|  | Chích áp xe vú |  |  |  |  |
|  | Phẫu thuật chửa ngoài tử cung |  |  |  |  |
|  | Soi cổ tử cung |  |  |  |  |
|  | Làm lại vết mổ thành bụng (bục, tụ máu, nhiễmIuẩn...) sau phẫu thuật sản phụ khoa |  |  |  |  |
|  | Mổ u nang buồng trứng |  |  |  |  |
|  | Cấy - tháo thuốc tránh thai |  |  |  |  |
|  | Đặt, tháo dụng cụ tử cung |  |  |  |  |
|  | Triệt sản nữ |  |  |  |  |
|  | Phá thai từ tuần thứ 6 đến hết 12 tuần bằng phương pháp hút chân không |  |  |  |  |
|  | Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai đến hết 7 tuần |  |  |  |  |

**3.2. Các hoạt động khác**

- Số tài liệu được viết, soạn thảo để đào tạo, hướng dẫn cho đồng nghiệp tại đơn vị : ….

Trong đó:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên tài liệu** | **Số trang** |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |

- Số buổi tập huấn, hướng dẫn chia sẻ kinh nghiệm được bác sỹ trẻ thực hiện:…………….

Trong đó:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tập huấn** | **Số ngày** | **Số người tham dự** |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |
|  |  |  |  |

- Một số hoạt động khác (ngoài chuyên khoa mình phụ trách, có thực hiện hoạt động chuyên môn, Khám chữa bệnh chuyên khoa khác không)

......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

- Bác sỹ trẻ tự đánh giá hiệu quả của các hoạt động trên

..........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**4. Về việc thực hiện chế độ chính sách đối với bác sỹ trẻ tình nguyện (có được hưởng nguyên lương và phụ cấp trong 02 năm đi học Dự án 585 hay không?)**

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**5. Thuân lợi, khó khăn khi công tác tại đơn vị**

**5.1. Thuận lợi**

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**5.2. Khó khăn**

..............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**6. Đề xuất, kiến nghị**

............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Người giám sát**  **(Ký tên)** | **Bác sỹ trẻ tình nguyện**  **(ký tên)** | **Lãnh đạo đơn vị**  **(Ký tên, đóng dấu)** |